

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2020
Vụ : “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Màu
2. Ông Phạm Thành Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 650/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1971, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim A, sinh năm 1968, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Kim A tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 27 tháng 12 năm 2018. Vợ chồng bà chung sống tại nhà bà được hơn 01 tháng thì mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A tỏ thái độ xem thường, cư xử thiếu văn hóa, gây gổ, chửi mắng bà. Mặc dù bà cố gắng xây dựng tình cảm nhưng ông A có người phụ nữ khác và yêu cầu bà ly hôn. Vợ chồng bà chỉ chung sống với nhau hơn 03 tháng sau đó thì thoảng ông A mới về nhà bà ở, sau đó không thích ở thì ông A về nhà ông ở. Vì ông A không cố gắng xây dựng tình cảm vợ chồng

nên tình cảm nhạt dần. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Kim A.

Về quan hệ con chung và tài sản chung: Bà và ông A không có con chung và tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà. Ngoài ra bà Th không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Kim A vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh, thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng Bị đơn ông A vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày gì nên Tòa không thể xem xét. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th được ly hôn với ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vì bị đơn là ông Nguyễn Kim A cư trú tại Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng ông Nguyễn Kim A vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về Nội dung vụ án:

[2]. 1 Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu Th đối với ông Nguyễn Kim A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Th và ông A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa bà Th và ông A là hợp pháp. Trong thời gian sống chung, ông bà thường xuyên mâu thuẫn do ông A xem thường, chửi mắng bà, không cố gắng xây dựng gia đình mà còn yêu cầu bà ly hôn. Theo bà Th khai, bà nhiều lần mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông A không đồng ý. Trong khi ông A đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án, nhưng ông A vẫn vắng mặt tại phiên Tòa và cũng không có

ý kiến trình bày gì. Điều đó cho thấy ông A bỏ mặc không mong muốn vun đắp cho cuộc hôn nhân này. Qua xác minh cũng như lời khai của bà Th thì thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Th được ly hôn ông A.

[2].2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông A không có con chung, về tài sản chung không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Kim A.

2 Về con chung và tài sản chung: Bà Th khai không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003275 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- UBND xã P, H.T;
- (số 145, ngày 27/12/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

